6. LƯỠI CƯA LỌNG

BI-METAL

extra-clean Wood

LƯỠI CƯA LỌNG CHO GỖ (BỘ 5 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cưa lọng GST

Hình	Mã hàng	Tên hiệu	Chiều dài lưỡi (mm)	Chất liệu	Loại	Xuất xứ
1	2608663751	T 308 B - Gỗ mềm - ván ép 5-50mm	91.0	HCS	Extra-Clean For Wood	CH
	2608663868	T 308 BO - Cắt cung tròn. Gỗ mềm - ván ép 5-50mm	91.0	HCS	Extra-Clean For Wood	CH
	2608630031	T 101 AO - Cắt cung tròn. Gỗ mềm - ván ép 1.5~15mm	56.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630014	T 101 BR - Gỗ mềm, ván ép, ván MDF, 3~30mm	74.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630030	T 101 B - Gỗ mềm-ván ép-MDF - 3~10mm - ống plastic Ø <30mm	74.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630032	T 101 D - Gỗ mềm-ván ép-MDF - 10~45mm	74.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630040	T 144 D - Gỗ mềm 5~50mm - ván ép	74.0	HCS	Speed For Wood	CH
2	2608630058	T 244 D - Cắt cung tròn. Gỗ mềm 5~50mm - ván ép	74.0	HCS	Speed For Wood	CH
3	2608630033	T 111 C - Gỗ mềm 4~50mm - ván ép	74.0	HCS	Basic For Wood	CH
	2608631404	T 234 X - Gỗ mềm 3-65mm, ván dăm, ván ép lõi gỗ, ván sợi	117.0	HCS	Progressor for Wood	CH

speed Metal

LƯỠI CƯA LỌNG CHO SẮT (BỘ 5 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cưa lọng GST

Hình	Mã hàng	Tên hiệu	Chiều dài lưỡi (mm)	Chất liệu	Loại	Xuất xứ
4	2608636699	T 121 AF - Sắt tấm 1~3mm	67.0	BIM	Speed For Metal	CH
	2608636705	T 321 AF - Sắt tấm 1~3mm. Sắt ống - nhôm - sợi thủy tinh <65mm	106.0	BIM	Speed For Metal	CH
5	2608631013	T 118 A - Sắt tấm dày trung bình 1.5~3mm	67.0	HSS	Basic For Metal	CH
	2608631014	T 118 B - Sắt tấm dày trung bình 2.5~6mm	67.0	HSS	Basic For Metal	CH
	2608631319	T 318 A - Sắt tấm dày trung bình 1~3mm và ống sắt Ø <65mm	106.0	HSS	Basic For Metal	CH
	2608634994	T 345 XF - Gỗ xây dựng có đinh - gỗ cứng < 65mm; sợi thủy tinh 3-10mm - nhôm & sắt tấm 3-10mm	106.0	BIM	Progressor for Wood and Metal	CH
	2608635177	T 113 A - Các tông, polystyrene, thảm, da, cao su <50mm	100.0	HCS	Special for Soft-Material	CH
	2608631404	T 318 B - Sắt tấm dày trung bình 2,5-6mm, Sắt ống - nhôm <65mm	106.0	HSS	Basic For Metal	CH

special SoftMaterial

LƯỠI CƯA LỌNG CHO INOX (BỘ 5 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cưa lọng GST

Hình	Mã hàng	Tên hiệu	Chiều dài lưỡi (mm)	Chất liệu	Loại	Xuất xứ
6	2608630663	T118 AHM - Inox dày trung bình 1.5~3mm (bộ 3 lưỡi)	59.0	Tungsten Carbide	Special For Inox	CH
	2608631017	T127 D - Nhôm tấm dày trung bình 3~15mm - ống kim loại Ø <30mm (bộ 5 lưỡi)	74.0	HSS	Special For Alu	CH
	2608633104	T130 RIFF - Gạch men mềm - gang (5-15) - cắt thô (bộ 3 lưỡi)	59.0	HM/ TC	Special For Ceramics	CH
	2608633105	T150 RIFF - Gạch men mềm - gang (5-10) - cắt mịn (bộ 3 lưỡi)	59.0	HM/ TC	Special For Ceramics	CH

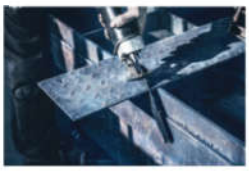

LƯỠI CẮT CẠNH

Loại máy tương thích: Máy cưa cạnh GSC

Mã hàng	Tên hiệu	Tên hiệu	Loại	Xuất xứ
2607010025	Lưỡi cắt cạnh (bộ 5 lưỡi)	Thích hợp cho kim loại miếng. Dùng với máy GSC 2.8	Shear blade sets	DE